

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 03/12/2019

V/v: “Chia tài sản sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Giáp

Ông Trần Văn Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2019/QĐXXPT- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Xóm 2, khu Khả Lễ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt);

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt);

Bị đơn: Anh Diêm Văn C, sinh năm 1976; Địa chỉ: Xóm 2, khu Khả Lễ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Dương Thị Ngọc A, sinh năm 1982; Địa chỉ: Xóm 2, khu Khả Lễ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt);

Người kháng cáo: Bị đơn anh Diêm Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Diêm Văn C đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 354/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh. Tuy nhiên, do tòa án chưa giải quyết vụ về tài sản chung và anh chị cũng không thể tự thỏa thuận, tự giải quyết với nhau được. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung giữa chị và anh C, cụ thể:

Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21 có diện tích 349m² tại khu Khả Lễ, phường Võ Cường thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*gọi tắt là* giấy CNQSDĐ) số BE 882021, số vào sổ cấp GCN: CH 01633 do UBND thành phố Bắc Ninh cấp ngày 24/5/2011 mang tên ông Diêm Văn C, bà Nguyễn Thị T. Nguồn gốc thửa đất này là do ngay sau khi kết hôn thì gia đình đã cho hai vợ chồng, vợ chồng và các con đã sinh sống, quản lý, sử dụng thửa đất này từ năm 1999 cho đến nay.

Tài sản gắn liền với đất: Khi bố mẹ anh C cho thửa đất thì trên đất có 04 gian nhà cấp bốn, quá trình sử dụng vợ chồng đã trát lại tường, lợp trần nhựa, lát nền nhà, lát sân. Khoảng năm 2012, vợ chồng xây 01 ngôi nhà một tầng mái đổ bê tông, đến năm 2017 xây thêm tầng hai lợp mái tôn, công trình phụ, tường bao quanh thửa đất. Tiền để sửa nhà cấp bốn và xây ngôi nhà trần chủ yếu là tiền của bố mẹ anh C cho. Tổng giá trị tài sản khoảng 390.000.000đ (*Ba trăm chín mươi triệu đồng*). Chị T yêu cầu phân chia cho chị 1/2 giá trị đất và các tài sản có trên đất. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu: được sử dụng khoảng 1/3 diện tích thửa đất nêu trên (ở phía có ngôi nhà cấp bốn), giao cho chị sở hữu toàn bộ tài sản có trên phần diện tích đất này và chị chịu toàn bộ giá trị của ngôi nhà cấp bốn, 01 cây móc mật, 01 cây chùm ngây. Phần còn lại giao cho anh C được sử dụng và chị không yêu cầu anh C phải trích trả chênh lệch về tài sản cho chị. Về đất ruộng canh tác hiện của ai người đó sử dụng, nên chị không yêu cầu Tòa án phân chia.

Bị đơn là anh Diêm Văn C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 1997, đến năm 2018 vợ chồng thuận tình ly hôn, nhưng chưa yêu cầu tòa án chia tài sản chung vợ chồng.

Hiện tại, tài sản chung giữa anh và chị T trong thời kỳ hôn nhân chỉ có 02 chiếc giường đôi và 01 chiếc tủ thờ, 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA và 01 chiếc tủ bốn buồng (chiếc tủ này đã bị hư hỏng không còn sử dụng được nữa).

Về thửa đất số 4 tờ bản đồ số 21 có diện tích là 349m² ở khu Khả Lễ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là do bố mẹ đẻ anh là ông Diêm Văn L, sinh năm 1937 (đã mất), bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1934 bỏ tiền ra mua năm 1998 của ông Đặng Đức S, bà Nguyễn Thị V. Khi mua trên đất đã có 04 gian nhà cấp bốn. Sau khi mua thì anh có bỏ tiền ra để xây tường bao, đến tháng 10/2017 anh đã bỏ tiền của riêng anh sửa lại đóng trần nhà của 03 gian nhà, còn 01 gian buồng anh lợp lại bằng tôn lạnh.

Thửa đất nêu trên bố mẹ anh cho vợ chồng và các con anh để ở chứ không phải để phân chia, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số BE 882021, số vào sổ CH01633 do UBND

thành phố Bắc Ninh cấp ngày 24/5/2011 cho ông Diêm Văn C và bà Nguyễn Thị T. Ngoài ra vợ chồng anh không có tài sản chung gì khác. Nay chị T yêu cầu phân chia cho chị T 1/3 thửa đất nêu trên và sở hữu các tài sản có trên đất thì anh không nhất trí.

Trong thời gian chung sống, anh và chị T có vay nợ một số người nhưng đều đã trả hết không còn nợ nần ai.

Về đất ruộng canh tác: Đã được địa phương chia cho từ trước khi anh và chị T kết hôn, hiện của ai người đó sử dụng, nên chị T không yêu cầu Tòa án phân chia ruộng, anh cũng nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị Ngọc A trình bày:

Chị và anh Diêm Văn C kết hôn ngày 02/01/2019. Sau khi kết hôn chị về chung sống với anh C tại nhà của anh C ở xóm 2, khu Khả Lễ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chị không đóng góp gì trong việc xây dựng, phát triển nhà và các công trình trên đất nên không liên quan và không yêu cầu giải quyết.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 28/2019/HNGĐ-ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh đã xử:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 239, 243, 248, 254, 260, 261, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 59; 62 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

1. Giao cho chị T được sử dụng 118,1 m² trong diện tích 349m² của thửa đất số 04 tờ bản đồ số 21 ở khu Khả Lễ, phường Võ Cường thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cụ thể: phía Đông Nam một phần giáp đất nhà ông Tích, một phần giáp với ngõ đi chung có kích thước là 24,73 m tính từ phần giáp đất chùa ở phía Đông Bắc đến điểm tiếp giáp với phần đất anh Diêm Văn C được sử dụng ở phía Tây Nam; phía Tây Nam giáp phần đất anh Diêm Văn C được sử dụng có kích thước là 4,69 m tính từ mép ngoài tường bao (đoạn tường hoa phần giáp với ngõ đi chung) đến điểm tiếp giáp với phần đất anh Diêm Văn C được sử dụng; phía Đông Bắc giáp phần đất chùa có kích thước là 4,74 m tính từ điểm tiếp giáp với đất nhà ông T1 đến điểm tiếp giáp với phần đất anh Diêm Văn C được sử dụng; phía Tây Bắc giáp phần đất anh Diêm Văn C được sử dụng có kích thước là 24,7 m tính từ điểm tiếp giáp với đất Chùa ở hướng Đông Bắc đến điểm tiếp giáp với phần đất anh Diêm Văn C được sử dụng (cắt thẳng qua ngôi nhà cấp 4). Phần diện tích đất chị Nguyễn Thị T được sử dụng trị giá 354.300.000đ (ba trăm năm mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T được sở hữu các tài sản trên diện tích đất được phân chia gồm: Một phần diện tích của ngôi nhà cấp 4 trị giá 29.000.000đ (chị T tự nguyện chịu cả giá trị của ngôi nhà); phần tường bao ở hướng Đông Nam có kích thước là 12,89m có trị giá 1.479.000; một phần sân gạch có diện tích là 28,7 m² trị giá 1.722.000đ; một phần tường bao (tường hoa) ở phía Đông Nam có kích thước là 5,99m trị giá 680.000đ; 01 lán để xe lợp mái tôn trị giá 1.000.000đ; 01 cây móc mật và 01 cây chùm ngây trị giá 600.000đ.

Giao anh Diêm Văn C sử dụng toàn bộ phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 04 tờ bản đồ số 21 ở khu Khả Lễ, phường Võ Cường thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có diện tích là 230,9 m² cụ thể: phía Đông Bắc giáp phần đất Chùa có kích thước là 7,67 m tính từ điểm tiếp giáp với phần đất chị Nguyễn Thị T được sử dụng ở phía Đông Nam đến phần cuối của thửa đất ở phía Tây Bắc; phía Tây Bắc giáp đất hoang có kích thước là 24,7m tính từ điểm tiếp giáp với phần diện tích đất Chùa ở hướng Tây Bắc đến điểm tiếp giáp với đất nhà ông Cầu ở phía Tây Nam; phía Tây Nam giáp đất nhà ông Cầu có kích thước là 13,61 m tính từ điểm tiếp giáp với ngõ đi chung ở phía Đông Nam đến phần cuối của thửa đất đến phía ngôi nhà trần; phía Đông Nam giáp ngõ đi chung có kích thước là 3,1 m tính từ điểm tiếp giáp với phần đất chị Nguyễn Thị T được sử dụng ở phía Đông Bắc đến điểm tiếp giáp với đất nhà ông Cầu ở phía Tây Nam; phía Đông Bắc phần tiếp giáp với phần đất chị T được sử dụng có kích thước là 4,69 m tính từ tính từ mép ngoài tường bao (đoạn tường hoa phần giáp với ngõ đi chung) đến điểm tiếp giáp với phần đất anh Diêm Văn C được sử dụng ở phía Tây Bắc. Phần diện tích đất anh Diêm Văn C được sử dụng trị giá 692.700.000đ (sáu trăm chín mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Anh Diêm Văn C được sở hữu toàn bộ tài sản có trên phần diện tích đất anh được sử dụng gồm: 01 ngôi nhà trần có trần trị giá 58.657.000đ; phần sân gạch có diện tích là 45,4 m² trị giá 2.724.000đ; phần tường bao ở phía Tây Nam dài 11,21 m trị giá 1.273.000đ; phần tường bao ở phía Đông Nam dài 0,4m trị giá 50.000đ; cổng sắt trị giá 1.000.000đ; anh Diêm Văn C không phải trích trả chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị T.

Tạm giao cho anh Diêm Văn C sử dụng 7,6m² đất (nằm trong phần diện tích ngôi nhà trần mà anh C được sở hữu) có kích thước như sau: phía Đông Bắc có kích thước là 0,87m tính từ mặt tường phía sau của ngôi nhà trần đến điểm tiếp giáp thửa đất số 04 tờ bản đồ số 21 phần anh C được sử dụng; phía Tây Bắc có kích thước là 6,92m tính từ mép ngoài tường của ngôi nhà trần ở hướng Đông Bắc đến mép ngoài tường của ngôi nhà trần ở hướng Tây Nam; phía Tây Nam có kích thước là 1,3m tính từ mép ngoài tường ngôi nhà trần ở hướng Tây Bắc đến điểm tiếp giáp với thửa đất số 04 tờ bản đồ số 21 phần anh C được sử dụng; phía Đông Nam có kích thước là 6,92m tính từ mép ngoài tường của ngôi nhà trần ở hướng Đông Bắc đến mép ngoài tường của ngôi nhà trần ở hướng Tây Nam; (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/8/2019, anh Diêm Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Diêm Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị tòa án không chia tài sản chung mà để lại cho các con ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không xác định 11,4m² là lỗi đi chung, các quyết định khác của cấp sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Diêm Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, do vậy kháng cáo của đương sự là hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Diêm Văn C:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguồn gốc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21 có diện tích 349m² tại khu Khả Lễ, phường Võ Cường thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là do bố, mẹ anh C mua của ông Đặng Đức Sơ và bà Nguyễn Thị Vĩnh vào năm 1999. Đến năm 2011, mẹ anh C yêu cầu ông Sơ và bà Vĩnh làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng anh C. Đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số BE 882021, số vào sổ CH01633 do UBND thành phố Bắc Ninh cấp ngày 24/5/2011 cho ông Diêm Văn C và bà Nguyễn Thị T

Năm 2008, vợ chồng sửa nhà, xây nhà mới và xây tường bao, khoản tiền này là của bà Nên (mẹ anh C) cho nhưng bà Nên không yêu cầu đòi lại tài sản đã cho vợ chồng anh C. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất cùng với tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh C và chị Thúy là đúng quy định của pháp luật. Khối tài sản này hiện do anh C quản lý sử dụng, giá trị tài sản như sau: Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21, diện tích 349m² trị giá 1.047.000.000đ; ngôi nhà trần hai tầng diện tích 25,36m² trị giá 58.657.000đ; ngôi nhà cấp bốn diện tích 55m² trị giá 29.419.000đ; đoạn tường bao dài 26,14m (nằm bên trong thửa đất có GCNQSDĐ) trị giá 3.000.000đ; đoạn tường bao dài 37,49m (nằm bên ngoài thửa đất có GCNQSDĐ) trị giá 5.000.000đ; đoạn tường bao phía trước nhà và tường hoa trị giá 2.000.000đ; sân gạch diện tích 74,1m² trị giá 4.446.000đ; lán tôn trị giá 1.000.000đ; 01 cây móc mật trị giá 300.000đ; 01 cây chùm ngây trị giá 300.000đ. Ngoài ra còn một số đồ dùng trong gia đình đã cũ và hư hỏng nên anh chị không yêu cầu định giá và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Khối tài sản trên là của vợ chồng nhưng phần lớn là công đóng góp của anh C. Các công trình xây dựng trên đất chỉ có phần nhà chính là xây dựng kiên cố, các công trình xây dựng khác giá trị sử dụng không cao, có thể phân chia tài sản bằng hiện vật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho chị T 1/3 diện tích thửa đất (ở phía có ngôi nhà cấp bốn) là phù hợp.

Về diện tích đất: Tại biên bản làm việc ngày 03/7/2019 với ông Tạ Đình M - cán bộ địa chính phường Võ Cường xác định, diện tích theo giấy CNQSDĐ là 349m², diện tích đo thực tế là 352,3m², vì là đất núi nên việc đo vẽ so với thực tế sử dụng có sự chênh lệch về diện tích. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho chị T sử dụng 118,1m² đất (ở phía có ngôi nhà cấp bốn), anh C được sử dụng diện tích đất còn lại là 222,8m² (ở phía có ngôi nhà trần) và 11,4m² đất làm ngõ đi là có căn cứ.

Mặt khác, khi anh C và chị Thúy xây dựng ngôi nhà trần có làm lấn một phần diện tích đất 7,6m² sang diện tích đất hoang do địa phương quản lý, Tòa án cấp sơ thẩm tạm giao phần này cho anh C là phù hợp.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có sự thiếu sót khi không xem xét phần đất và tường bao. Trong quá trình sử dụng, anh C và chị T đã xây tường bao nằm bên ngoài diện tích được cấp giấy CNQSDĐ (xây trên đất chùa), không đưa đại diện của chùa tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm tố tụng. Song, tại phiên tòa anh C và chị T đều đồng ý tháo dỡ phần tường xây trên đất chùa nên sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi của chùa. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh C và chị Thúy phải tháo dỡ đối với phần tường bao được chia cho mình và không đưa đại diện của chùa tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cụ thể: Anh Diêm Văn C phải tháo dỡ phần tường bao: hướng Đông Bắc dài 7,67m, chị Nguyễn Thị T phải tháo dỡ phần tường bao: hướng Đông Bắc dài 4,74m, hướng Đông Nam dài 0,84m.

Ngoài ra, tại bản vẽ và bản án xác định diện tích 11,4m² làm ngõ đi chung là không đúng vì diện tích đất 11,4m² đã được Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh C sử dụng làm ngõ đi riêng.

Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh C không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận kháng cáo của anh Diêm Văn C, sửa bản án sơ thẩm.

1. Không xác định 11,4m² (đã giao cho anh Diêm Văn C) tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21 ở khu Khả Lễ, phường Võ Cường thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là ngõ đi chung.

2. Giao cho chị Nguyễn Thị T được sử dụng 118,1m² tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21 ở khu Khả Lễ, phường Võ Cường thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh trị giá 354.300.000đ. Ranh giới đất như sau: phía Đông Nam một phần giáp đất nhà ông Tích, một phần giáp với ngõ đi dài 24,78m (18,79m + 5,9m + 1,6m + 4,39m); phía Tây Nam giáp đất anh Diêm Văn C dài 4,69m; phía Tây Bắc giáp đất anh Diêm Văn C dài 24,7m; phía Đông Bắc giáp phần đất chùa dài 4,74 m. *(Phần tài sản nhà đất có mốc giới được đánh chữ và số B-3'-6-6' tại sơ đồ phân chia tài sản kèm theo bản án).*

Chị Nguyễn Thị T được sở hữu các tài sản trên diện tích đất được phân chia gồm: một phần diện tích của ngôi nhà cấp bốn trị giá 29.000.000đ (chị T tự nguyện chịu cả giá trị của ngôi nhà); phần tường bao hướng Đông Nam dài 12,89m trị giá 1.479.000đ; phần tường bao và phần tường hoa hướng Đông Nam dài 5,99m trị giá 680.000đ; một phần sân gạch diện tích 28,7m² trị giá 1.722.000đ; 01 lán để xe lợp mái tôn trị giá 1.000.000đ; 01 cây mồng cơi và 01 cây chùm ngây trị giá 600.000đ. Tổng giá trị tài sản là: 388.781.000đ *(Ba trăm tám mươi tám triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng)*

3. Giao cho anh Diêm Văn C được sử dụng 234,2m² đất còn lại tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21 ở khu Khả Lễ, phường Võ Cường thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh trị giá 702.600.000đ. Ranh giới đất như sau: phía Đông Nam phần giáp đất chị Thúy dài 24,7m; phía Đông Nam phần giáp ngõ đi dài 3,1m (0,4m + 2,7m); phía Tây Nam giáp nhà ông Cầu dài 13,61m (2,4m + 6,5m + 1,25m + 3,46m); phía Tây Bắc giáp đất hoang dài 26,74m (19,8m + 6,94m); phía Đông Bắc giáp đất chùa dài 7,67m; phía Đông Bắc giáp đất chị Thúy dài 4,69m. *(Phần tài sản nhà đất có mốc giới được đánh chữ và số 2''-B-6'-6-7-9' tại sơ đồ phân chia tài sản kèm theo bản án).*

Anh Diêm Văn C được sở hữu các tài sản trên diện tích đất được phân chia gồm: 01 ngôi nhà trần có trần trị giá 58.657.000đ; phần diện tích sân gạch diện tích 45,4 m² trị giá 2.724.000đ; phần tường bao ở phía Tây Nam dài 11,21m trị giá 1.273.000đ; phần tường hoa phía Đông Nam dài 0,4m trị giá 50.000đ; cổng sắt trị giá 1.000.000đ. Tổng giá trị tài sản là: 766.304.000đ *(Bảy trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm linh tư nghìn đồng).*

Tạm giao cho anh Diêm Văn C sử dụng 7,6m² đất (nằm trong phần diện tích ngôi nhà trần mà anh C được sở hữu) có kích thước như sau: phía Đông Bắc dài 0,87m tính từ mặt tường phía sau của ngôi nhà trần đến điểm tiếp giáp thửa đất số 04 tờ bản đồ số 21 (phần anh C được sử dụng); phía Tây Bắc dài 6,92m tính từ mép ngoài tường của ngôi nhà trần ở hướng Đông Bắc đến mép ngoài tường của ngôi nhà trần ở hướng Tây Nam; phía Tây Nam dài 1,3m tính từ mép ngoài tường ngôi nhà trần ở hướng Tây Bắc đến điểm tiếp giáp với thửa đất số 04 tờ bản đồ số 21 (phần anh C được sử dụng); phía Đông Nam dài 6,94m tính từ mép ngoài tường của ngôi nhà trần ở hướng Đông Bắc đến mép ngoài tường của ngôi nhà trần ở hướng Tây Nam; *(có sơ đồ kèm theo).*

4. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đối với phần diện tích đất mình được phân chia.

5. Anh Diêm Văn C phải tháo dỡ phần tường bao nằm ngoài diện tích được cấp giấy CNQSDĐ: hướng Đông Bắc dài 7,67m. Chị Nguyễn Thị T phải tháo dỡ phần tường bao

nằm ngoài diện tích được cấp giấy CNQSDĐ: hướng Đông Bắc dài 4,74m, hướng Đông Nam dài 0,84m.

6. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 19.439.000đ án phí chia tài sản, được đối trừ 4.875.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001574 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Anh Diêm Văn C phải chịu 34.652.000 tiền án phí chia tài sản, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu số AA/2018/0002055 ngày 19/8/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Giáp

Trần Văn Chính

Nguyễn Tuyết Mai

Nơi nhận:

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai